

Chương 1

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

1.1. Khái niệm:

Kinh tế thị trường là một kiểu tổ chức kinh tế – xã hội, trong đó quá trình sản xuất, phân phối, trao đổi và tiêu dùng đều được thực hiện thông qua thị trường.

1.2. Những yếu tố cơ bản của kinh tế thị trường

Thứ nhất, chủ thể của nền kinh tế. Nền kinh tế thị trường đòi hỏi sự tồn tại của các chủ thể kinh tế độc lập dưới nhiều hình thức sở hữu khác nhau. Về bản chất, nền kinh tế thị trường thị trường có cấu trúc đa sở hữu. Trong cấu trúc, sở hữu tư nhân luôn luôn là thành tố tất yếu, bắt buộc. Nói đến kinh tế thị trường mà phủ nhận sở hữu tư nhân có nghĩa là bác bỏ kinh tế thị trường trên thực tế.

Bên cạnh sở hữu tư nhân, còn có các dạng thức sở hữu quan trọng khác là sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể và dạng đồng sở hữu của các chủ thể khác, ví dụ sở hữu CTCP, DN tư bản nhà nước, v.v.

Về nguyên tắc, các chủ thể sở hữu và các hình thức sở hữu trong nền kinh tế thị trường là độc lập và bình đẳng với nhau trước pháp luật và trong hoạt động kinh doanh (trong cạnh tranh). Nhưng mỗi hình thức sở hữu và mỗi chủ thể sở hữu lại có vai trò, vị thế và chức năng đặc thù trong sự vận hành của nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, hệ thống đồng bộ các thị trường và thể chế tương ứng. Nền kinh tế thị trường là một hệ thống hữu cơ mang tính xã hội hoá cao. Do vậy, sự vận hành của nó luôn luôn là sự vận hành tổng thể của các yếu tố cấu thành.

Mọi nền kinh tế thị trường đều có các yếu tố cấu thành cơ bản là các thị trường, bao gồm các thị trường yếu tố : các thị trường đầu vào như thị trường đất đai, thị trường sức lao động, thị trường tài chính (thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường chứng khoán), thị trường máy móc thiết bị, thị trường khoa học - công nghệ và thị trường hàng tiêu dùng. Để nền kinh tế thị trường hoạt động có hiệu quả, phải bảo đảm hai yêu cầu:

- Có sự hiện diện đầy đủ của tất cả các thị trường nói trên.
- Các thị trường phải vận hành đồng bộ.

Để đáp ứng hai yêu cầu này, việc hình thành và phát triển các thị trường phải tuân theo một trật tự bước đi xác định. Việc không tuân thủ trật tự đó (ví dụ xây dựng thị trường vốn, thị trường chứng khoán nhưng hệ thống các quyền tài sản không xác định rõ, thị trường đất đai không được thừa nhận chính thức) thường dẫn đến sự rối loạn, vận hành kém hiệu quả của từng thị trường chức năng và của cả nền kinh tế.

Bên cạnh đó, sự vận hành đồng bộ của các thể chế thị trường đòi hỏi phải thực hiện đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của thị trường (chủ thể sở hữu độc lập, mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận của doanh nghiệp, cơ chế phân bổ nguồn lực do các lực lượng thị trường quyết định là chính, thông qua cạnh tranh tự do, v.v.) trên cơ sở được sự bảo đảm của luật pháp. Nếu không được bảo vệ bằng các đạo luật cơ sở như luật cạnh tranh, luật về các quyền sở hữu, luật chống độc quyền, luật chống bán phá giá thì nền kinh tế không thể hoạt động bình thường.

Thứ ba, hệ thống giá cả do cung cầu thị trường quyết định là yếu tố cốt lõi quyết định sự vận hành của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường chỉ vận hành được một khi hệ thống giá cả được quyết định khách quan bởi thị trường. Trong nền kinh tế thị trường, mục tiêu tối đa hoá lợi nhuận là động lực chủ yếu thúc đẩy nỗ lực hoạt động và hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp. Để phục vụ mục tiêu đó, giá cả phải được thiết định trên các cơ sở khách quan và được điều tiết bằng cơ chế tự điều tiết (cạnh tranh tự do).

Thứ tư, *cơ chế nguyên tắc vận hành cơ bản của nền kinh tế thị trường là cạnh tranh tự do*. Không có cạnh tranh tự do, không thể nói đến kinh tế thị trường. Về bản chất, cơ chế cạnh tranh thị trường là cơ chế tự điều chỉnh. Do vậy, nó còn được gọi là “bàn tay vô hình”. Cơ chế này giúp nền kinh tế tạo lập sự cân bằng mỗi khi bị trục trặc.

Cạnh tranh là cơ chế chủ yếu phân bổ các nguồn lực trong nền kinh tế thị trường. Thông qua cạnh tranh, các nguồn lực được rút ra khỏi những ngành, lĩnh vực và địa điểm đang hoạt động kém hiệu quả, di chuyển đến những nơi có lợi thế phát triển và thu được hiệu quả kinh doanh, lợi nhuận cao hơn. Thực tế xác nhận rằng cho đến nay, sau khi nền kinh tế đã vượt qua trình độ kinh tế nông dân tự cấp - tự túc, cạnh tranh là cơ chế phân bổ các nguồn lực hiệu quả nhất.

Thứ năm, *vai trò của nhà nước*. Thị trường có những khuyết tật và cơ chế thị trường có thể bị thất bại trong việc giải quyết một số vấn đề phát triển, ví dụ như khủng hoảng, đói nghèo, công bằng xã hội, môi trường, v.v. Để khắc phục chúng và tránh khỏi thất bại thị trường, nhà nước phải tham gia quản lý, điều tiết sự vận hành nền kinh tế. Nhà nước tham gia vào các quá trình kinh tế thị trường vừa với tư cách là bộ máy quản lý xã hội, vừa là một yếu tố nội tại của cơ chế vận hành kinh tế. Với các tư cách đó, nhà nước thực hiện ba chức năng:

- Quản lý, định hướng và hỗ trợ phát triển;
- Phân phối lại thu nhập quốc dân.
- Bảo vệ môi trường.

Để thực hiện ba chức năng đó, nhà nước phải giải quyết các nhiệm vụ:

- Cung cấp khuôn khổ pháp lý rõ ràng, nghiêm minh, có hiệu lực và phù hợp với đòi hỏi của cơ chế thị trường;
- Kiến tạo và bảo đảm môi trường vĩ mô ổn định, có tính khuyến khích kinh doanh;

- Cung cấp kết cấu hạ tầng (gồm hạ tầng "cứng" - giao thông vận tải, cung cấp điện nước, v.v. và hạ tầng "mềm" - dịch vụ thông tin, bưu chính - viễn thông; tài chính, v.v.) cũng như các dịch vụ và hàng hoá công cộng (chăm sóc sức khỏe, giáo dục - đào tạo, bảo vệ môi trường, v.v.).

- Hỗ trợ nhóm người nghèo các điều kiện tối thiểu để tham gia thị trường bình đẳng.

Năm yếu tố nói trên là 5 yếu tố cấu thành cơ bản khung thể chế chung của mọi nền kinh tế thị trường. Chúng hình thành một tổng thể, quy định lẫn nhau. Thiếu bất cứ yếu tố nào trong số đó đều không thể có nền kinh tế thị trường bình thường, vận hành hiệu quả. Tuy nhiên, trong mỗi nền kinh tế thị trường, tùy theo các điều kiện phát triển cụ thể, vai trò, vị trí và chức năng của từng yếu tố không hoàn toàn giống nhau. Điều này tạo nên đặc thù của các mô hình kinh tế thị trường và nền kinh tế thị trường ở những quốc gia cụ thể.

cuuduongthancong.com

1.3. Các mô hình phát triển kinh tế thị trường trong lịch sử

Cho đến cuối thế kỷ XX, kinh tế thị trường hầu như chỉ có một phương án phát triển duy nhất là biến thành kinh tế TBCN. Song thực tế cho thấy kinh tế thị trường không phát triển theo một mô hình duy nhất mà được thực hiện dưới nhiều mô hình khác nhau (thị trường tự do, thị trường - xã hội, v.v.).

Dựa vào mục đích chính trị, mục tiêu kinh tế – xã hội mà một nước lựa chọn làm định hướng, chi phối sự vận động phát triển của nền kinh tế đó có thể quy về ba mô hình chủ yếu sau:

- *Mô hình kinh tế thị trường tự do;*
- *Mô hình kinh tế thị trường - xã hội;*
- *Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN (ở Việt Nam) hay kinh tế thị trường XHCN (ở Trung Quốc).*

Trong khuôn khổ CNTB, kinh tế thị trường phát triển trong 2 mô hình là kinh tế thị trường tự do và kinh tế thị trường xã hội.

❖ *Mô hình kinh tế thị trường tự do:*

Kinh tế thị trường trong khuôn khổ CNTB chủ yếu phát triển theo mô hình thị trường tự do, được thực hiện ở hầu hết các nền kinh tế TBCN ở Tây Âu và Bắc Mỹ. Mô hình này đề cao vai trò của chế độ sở hữu tư nhân, của tự do cá nhân và cạnh tranh tự do. Trong mô hình kinh tế thị trường tự do sự can thiệp điều tiết của nhà nước vào các quá trình kinh tế được hạn chế ở mức thấp. Quá trình phát triển kinh tế chủ yếu do khu vực tư nhân vận hành dưới sự điều tiết của “bàn tay vô hình” (tức cơ chế cạnh tranh tự do). Chức năng chính của nhà nước là bảo vệ chế độ sở hữu tư nhân và các quyền tự do cá nhân, bảo đảm ổn định vĩ mô, tạo điều kiện để kinh tế tư nhân và cơ chế thị trường tự do vận hành thuận lợi nhất. Sự tham gia của nhà nước vào quá trình phân phối lại, vào hệ thống phúc lợi xã hội nhằm giảm thiểu tình trạng bất bình đẳng, tạo lập công bằng xã hội, ngăn chặn và xử lý các thất bại thị trường tuy vẫn được coi trọng nhưng không nhiều như ở các mô hình khác. Trong mô hình này, trong khi vai trò động lực phát triển của lợi ích tư nhân, lợi ích cá nhân (lợi nhuận) được đề cao thì vai trò “bánh lái” của sự điều tiết, định hướng phát triển của nhà nước (bàn tay hữu hình) lại tương đối bị xem nhẹ so với các mô hình khác.

❖ *Mô hình kinh tế thị trường - xã hội.*

Mô hình này được thực hiện thành công ở khá nhiều nước Tây - Bắc Âu, điển hình là Đức (quê hương của mô hình kinh tế thị trường - xã hội) và các nước Bắc Âu (Thụy Điển, Na Uy và Phần Lan), khu vực nổi tiếng với “mô hình Thụy Điển”. Xét theo tính chất đặc trưng, mô hình này còn có mặt ở nhiều nước tiên tiến khác như Đan Mạch, Hà Lan, thậm chí, cả ở Pháp và Bỉ với những mức độ khác nhau.

Về nguyên tắc, mô hình kinh tế thị trường - xã hội thừa nhận các yếu tố cơ bản phổ biến của kinh tế thị trường như cấu trúc đa sở hữu với sở hữu tư nhân làm nòng cốt; hệ thống các thể chế thị trường, cơ chế cạnh tranh tự do và vai trò của nhà nước trong nền kinh tế. Tuy nhiên, so sánh với mô hình kinh tế thị trường tự do, mô hình này có hai đặc trưng nổi bật:

- Cõi các mục tiêu xã hội và phát triển con người (công bằng xã hội, phúc lợi cho người nghèo và cho người lao động, quyền tự do phát triển của mọi người dân, v.v.) là mục tiêu của chính quá trình phát triển kinh tế thị trường.

- Nhà nước dẫn dắt nền kinh tế thị trường phát triển không chỉ nhằm mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mà cả mục tiêu phát triển và hiệu quả xã hội.

Với những đặc trưng - đặc thù trên, tuy mô hình kinh tế thị trường - xã hội là một biến thể của nền kinh tế TBCN, song nó phản ánh một xu thế tất yếu của sự phát triển. Đó là: đến một trình độ phát triển nhất định, trong những điều kiện cụ thể, tự kinh tế thị trường không thể giải quyết có hiệu quả tất cả các vấn đề phát triển, nhất là các mục tiêu phát triển xã hội và con người. Để đạt được điều đó, trong cơ chế vận hành của nền kinh tế thị trường, cần có thêm “bánh lái” để định hướng “động cơ” thúc đẩy phát triển đi đúng quỹ đạo nhằm phục vụ tốt không chỉ nhiệm vụ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mà cả nhiệm vụ phát triển xã hội và con người.

Có thể khái quát rằng quá trình phát triển kinh tế thị trường, để đạt hiệu quả, cần hướng tới các mục tiêu xã hội và phát triển con người. Cách thức để đạt mục tiêu đó không phải là phủ nhận thị trường, xoá bỏ cơ chế thị trường mà là đặt nhà nước vào vai trò tham gia điều hành và định hướng sự phát triển của kinh tế thị trường với tư cách là yếu tố cấu thành của cơ chế kinh tế.

Việc triển khai mô hình kinh tế thị trường - xã hội trên thực tế đã mang lại những kết quả phát triển tích cực, không chỉ ở một vài nước, tại một vài thời điểm riêng lẻ mà ở hàng loạt nước và kéo dài trong nhiều thập niên. Điều này xác nhận tính tất yếu của xu hướng phát triển mô hình kinh tế thị trường - xã hội. Tính tất yếu đó cũng được thể hiện triệt để và rõ ràng ở mô hình kinh tế thị trường thứ ba đang được triển khai ở Trung Quốc và Việt Nam.

❖ *Mô hình kinh tế thị trường XHCN (hay định hướng XHCN)*

Loại mô hình kinh tế thị trường này hiện đang được thực thi chỉ ở hai nước (Việt Nam - kinh tế thị trường định hướng XHCN; và Trung Quốc - kinh tế thị trường XHCN). Thời gian tồn tại của nó cũng chỉ mới có trong khoảng 1/4 thế kỷ thử nghiệm và từng bước khẳng định. Tuy vậy, các kết quả thực tế đã chứng tỏ đây là mô hình có sức sống mạnh mẽ và có triển vọng lịch sử to lớn.

Sự ra đời của mô hình này gắn liền với sự sụp đổ của CNXH hiện thực, là mô hình phủ nhận vai trò của kinh tế thị trường trong quá trình phát triển ở các nước nghèo, lạc hậu tiến lên CNXH. Vì thế, sự xuất hiện của mô hình này chứng minh sức sống mãnh liệt của xu hướng tiến lên CNCS như một tất yếu khách quan của thời đại; đồng thời, khẳng định tính tất yếu và phổ biến của kinh tế thị trường với tư cách là một giai đoạn bắt buộc trong lịch sử phát triển của mọi nền kinh tế.

Tuy nhiên, khác với hai mô hình kinh tế thị trường nói trên, tồn tại trong khuôn khổ CNTB, mô hình này mới được xác lập chưa lâu (1/4 thế kỷ) và vẫn đang trong quá trình thử nghiệm, định hình cấu trúc và bản chất. Do vậy, chưa thể có căn cứ thực tiễn để xác lập một hệ thống lý luận về nó với nội dung hoàn chỉnh và logic chặt chẽ.

Trong phần giới thiệu mô hình này xin được đề cập đến mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý, và phân phối. Nói cách khác, *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

1.4. Một số nhận xét khái quát về quá trình phát triển của kinh tế thị trường thông qua 3 mô hình cơ bản

Thực tiễn phát triển và lý luận kinh điển của Mác đều khẳng định tính tất yếu và phổ biến của kinh tế thị trường trong quá trình phát triển của mọi quốc gia, dân tộc. Do vậy, đối với bất cứ quốc gia nào chưa trải qua kinh tế thị trường, để giải quyết được vấn đề phát triển, trước hết phải phát triển kinh tế thị trường theo đúng nghĩa; phải tạo điều kiện thuận lợi để nền kinh tế phát huy cao nhất năng lực phát triển của thị trường để đạt hiệu quả kinh tế cao nhất. Chỉ trên cơ sở đó, xét theo mục tiêu chiến lược, mới thoát khỏi tình trạng lạc hậu, nhờ đó, có điều kiện vật chất và tinh thần để đáp ứng các mục tiêu xã hội và nhân văn.

Tuy nhiên, kinh tế thị trường không phát triển theo một phương án duy nhất (phát triển thành kinh tế TBCN), cũng không theo một mô hình đơn nhất (thị trường tự do). Thực tiễn đã xác nhận những phương án và mô hình phát triển kinh tế thị trường khác nhau mang tính đặc thù, phụ thuộc vào những điều kiện xác định, hoàn cảnh phát triển cụ thể của quốc gia - dân tộc. Một quốc gia đi sau không nhất thiết phải vận dụng cứng nhắc các nguyên lý lý luận; cũng không nhất thiết phải rập khuôn các mô hình kinh tế thị trường có sẵn ở đâu đó, dù là mô hình hiệu quả, để giải quyết các vấn đề phát triển mang nhiều nét đặc thù của mình.

Trong quá trình tiến hoá về mặt mô hình của kinh tế thị trường trên thế giới, các mô hình xuất hiện sau đều phản ánh một xu hướng chung trong sự phát triển của kinh tế thị trường. Đó là:

- 1) Ngày càng nhấn mạnh các mục tiêu xã hội - con người;
- 2) Thừa nhận vai trò định hướng, tổ chức và điều tiết phát triển của nhà nước.

Trên thực tế, xu hướng này cũng thể hiện trong cả quá trình phát triển của các nền kinh tế đi theo mô hình kinh tế thị trường tự do.

Chương 2

XU THẾ CHUYỂN ĐỔI SANG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG TRÊN THẾ GIỚI HIỆN NAY

Ở chương này, các xu thế chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường trên thế giới sẽ được đánh giá và phân tích theo hai hướng, trước hết là sự chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường trong phạm vi từng quốc gia; sau đó là phân tích của cùng chủ đề nhưng trên phạm vi khu vực và quốc tế.

2.1. Xu thế thị trường hóa thể chế nền kinh tế của các nước

Hai thập kỷ đầu thế kỷ 21 là thời kỳ thể chế kinh tế thế giới biến đổi lớn, biểu hiện chủ yếu trên ba khía cạnh sau:

2.1.1. Sự chuyển hướng từ hình thái kinh tế kế hoạch

Phần lớn các nước theo mô hình kinh tế kế hoạch đã đi theo con đường kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, trước mắt trật tự thị trường vẫn còn nhiều vấn đề, song về cơ bản đã vượt qua thời kỳ hỗn loạn và kinh tế tụt dốc...

2.1.1.1. Liên Xô và Đông Âu

Ở Liên Xô và Đông Âu, hiện đang phát triển theo hướng có trật tự. Quá trình thị trường hóa thể chế kinh tế của các nước này sẽ bước vào thời kỳ hoàn thiện, phát triển theo cơ chế thị trường hiện đại. Vào đầu những năm 90 của thế kỷ XX, 6 nước ở Trung – Đông Âu bao gồm Hungary, Ba Lan, Cộng hòa Séc, Cộng hòa Slovakia, Bungari và Rumani thuộc khối xã hội chủ nghĩa cũ đã bắt đầu quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường. Mỗi nước đều đi theo con đường riêng, tìm ra các giải pháp tốt nhất nhằm kết hợp các khuôn mẫu của nền văn minh thế giới với truyền thống lịch sử, văn hóa và trình độ nhận thức chung của xã hội với hệ thống các lực lượng chính trị của mình. Từ những bước đi ban đầu đầy thử thách do sự bắt buộc không có tiền lệ phải do chuyển gấp từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường, trong khi đó, ở các quốc gia này, mặc dù đã có một

nền công nghiệp tương đối phát triển, nhưng hầu như các thiết chế thị trường đều chưa được hình thành. Trên thực tế, sự khác biệt về thể chế, về hệ thống giá cả, về kỹ thuật, về vốn, về phương pháp quản lý ... của các nước đang chuyển đổi so với các nước có nền kinh tế thị trường phát triển là rất lớn – và đó chính là sự thách thức đối với các nước này trong suốt quá trình chuyển đổi. Nội dung của quá trình chuyển đổi bao gồm hai bước:

Bước 1: Thực hiện các chương trình cải cách thời kỳ đầu chuyển đổi (1989-1992) bao gồm chương trình ổn định kinh tế vĩ mô về tiền tệ, ngân sách, những quan hệ kinh tế đối ngoại và tài trợ đầu tư, cải cách hệ thống tài chính, ngân hàng và các chương trình chuyển đổi sở hữu (quá trình thực hiện tư nhân hóa).

Bước 2: Thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn hai (sau năm 1992) với những nội dung chuyển đổi chính như: đường lối cải tạo cơ cấu công nghiệp, phát triển ngoại thương, đẩy mạnh thu hút đầu tư nước ngoài, hội nhập sâu sắc vào Liên minh châu Âu (EU). Sau gần 20 chuyển đổi sang kinh tế thị trường, đến nay cả sáu nước trên đều đã gia nhập Liên minh châu Âu.

Như vậy, chất lượng thể chế hóa của các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Liên Xô (cũ) và Đông Âu đã được cải thiện đáng kể trong quá trình cải cách, song vẫn còn thấp so với chất lượng thể chế của các nước công nghiệp phát triển. Trong số các nước này, những nước là ứng cử viên gia nhập EU đã đạt được nhiều thành công nhất trong cải cách thể chế kinh tế, và sau cùng là các nước thuộc Liên Xô trước đây. Thực tế đó đã phần nào phản ánh được thành tựu kinh tế - xã hội nói chung của các nước trong những năm cải cách. Dưới đây là kết quả của một số nghiên cứu về mối quan hệ giữa cải cách thể chế kinh tế và hiệu quả hoạt động kinh tế của một số nước ở Đông Âu.

Số liệu bảng 2.1 cho thấy: Trong 3 năm đầu của cải cách, tất cả các nước đều trải qua sự suy giảm GDP, song những năm tiếp theo, một số nước đã có sự phục hồi mạnh mẽ và không bị suy giảm trở lại. Các nước có chất lượng thể chế cao như Ba Lan, Cộng hòa Séc, Hungary có tốc độ tăng trưởng khá cao so

với các nước khác trong khu vực và đến năm 1997, GDP gần đạt (đối với Cộng hoà Séc và Hungary) và vượt (đối với Ba Lan) GDP của năm 1989. Riêng Cộng hoà Séc bị suy giảm năm 1998, song bắt đầu phục hồi năm 2000. Tương phản với 3 nước trên là các nước có chất lượng thể chế thấp (chủ yếu thuộc Liên Xô trước đây) như Liên bang Nga, trong 7 năm đầu cải cách GDP liên tục suy giảm với tốc độ lớn và bị rơi vào tình trạng siêu lạm phát. Có thể nói, phần lớn các kết quả nghiên cứu đều rút ra kết luận: chất lượng thể chế tỷ lệ thuận với hiệu quả kinh tế và cải cách thể chế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với sự tăng trưởng lâu dài, cùng như sự phục hồi của các nền kinh tế chuyển đổi.

Bảng 2.1: Suy thoái và tăng trưởng nền kinh tế chuyển đổi trong giai đoạn 1990 - 1997. Tốc độ tăng GDP (%)

Tên nước	Số năm suy giảm GDP	Sau khi phục hồi có tiếp tục suy giảm	1990 - 1993	1994 - 1997	1990 - 1997	GDP so với 1989 (%)
Bungari	6	Có	-7,4	-3,6	-5,5	62,8
CH Séc	3	Không	-4,3	3,6	-0,4	95,8
Hungary	4	Không	-4,8	2,5	-1,1	90,4
Balan	2	Không	-3,1	6,3	1,6	111,8
Rumani	4	Có	-6,4	2,1	-2,2	82,4
LB Nga	7	Không	-10,1	-5,3	-7,7	52,2

Nguồn: Kolodko (2001) (Dẫn theo Nguyễn Thành Long). Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, số 3 (57)/2004 tr.122)

2.1.1.2. Trung Quốc và Việt Nam

Trong các nền kinh tế chuyển đổi, những ví dụ điển hình về các quốc gia trong xu hướng này là Trung Quốc và Việt Nam. Theo đó, Trung Quốc và Việt Nam đi theo đường lối cải cách thận trọng để từng bước thực hiện thể chế thị trường xã hội chủ nghĩa, do đó đã tạo được sự ổn định xã hội cùng với sự tăng trưởng kinh tế. Tuy vậy, mức độ thị trường hóa thể chế kinh tế ở hai quốc gia này vẫn còn nhiều vấn đề cần phải cố gắng hơn để tiến tới thể chế thị trường

hóa hiện đại. Phần phân tích về trường hợp của Việt Nam sẽ được trình bày sâu hơn ở chương sau.

Xu thế thị trường hóa thể chế kinh tế sẽ tiếp tục biểu hiện rõ nét từ nay đến năm 2020 và vẫn tác động đến sự phát triển chung của nền kinh tế thế giới như một nguồn lực quan trọng tạo nên sự tăng trưởng kinh tế. Cùng với mức độ hoàn thiện của thể chế kinh tế thị trường trên phạm vi toàn cầu, xu thế thị trường hóa và tác dụng của nó sẽ đi vào ổn định và đem lại lợi ích to lớn cho xã hội. Trong 20 năm tới, tình hình trên sẽ thay đổi lớn. Thể chế kinh tế thị trường Trung Quốc trong thời gian khá dài còn mang dấu ấn của nền kinh tế đang phát triển, không thể vượt trên trình độ phát triển kinh tế mà hoàn toàn xóa bỏ những dấu ấn này, nhưng nó sẽ dần dần phát triển theo hướng hoàn thiện. Hai mươi năm đầu thế kỷ 21 là thời kỳ then chốt trong tiến trình trên. Trong thời gian ấy, Nga và các nước Đông Âu sẽ cơ bản hoàn thành bước quá độ sang nền kinh tế thị trường. Mở cửa với bên ngoài là một trong những mục đích quan trọng của cải cách.

2.1.2. Sự chuyển hướng từ thể chế kinh tế hỗn hợp

Mặc dù sau khi giành được độc lập về chính trị, phần lớn các nước đang phát triển đã đi theo hướng kinh tế thị trường, điều đó không có nghĩa là thể chế kinh tế thị trường đã được thiết lập trong các nước này. Trên thực tế, trong các nước này tồn tại thể chế kinh tế hỗn hợp. Thể chế quản lý phi tư bản chủ nghĩa đã được giữ lại ở mức độ khác nhau, hoặc thay đổi hình dạng. Kết quả là các nước đang phát triển thực hiện một thứ thể chế kinh tế bị bóp méo nghiêm trọng. Khi tình hình trong nước và khu vực có chiều hướng ổn định, các nước đó chuyển sang chú trọng phát triển kinh tế, thì trở ngại đầu tiên là thể chế. Tình hình đó buộc họ phải tiến hành cải cách. Hai mươi năm đầu thế kỷ 21 là thời kỳ tiến hành cải cách thể chế.

Trong thời kỳ này ở một số nước đang phát triển, đặc biệt là các nước có nền kinh tế mới nổi, chính phủ can thiệp tương đối mạnh như Ấn Độ đã tiến

hành tư nhân hóa khu vực kinh tế thuộc sở hữu nhà nước để đa dạng hóa sở hữu và phát triển cơ cấu quyền tài sản phân tán tạo cơ sở hoàn thiện thực thể kinh tế thị trường và từng bước bỏ những biện pháp điều tiết hành chính, tăng cường tác dụng của thể chế thị trường trong điều tiết kinh tế. Ở các nước phát triển hiện nay, tuy trình độ thể chế kinh tế đã cao, nhưng cũng đang đứng trước nhiều vấn đề đòi hỏi phải toàn diện hơn. Ví dụ cần tự do hóa hơn về tài chính tiền tệ và dỡ bỏ các biện pháp phi thuế quan cản trở dòng vận động của hàng hóa dịch vụ.

2.1.3. Sự thay đổi trong chính thể chế kinh tế thị trường

Những thay đổi trong thể chế kinh tế các nước phát triển khiến thể chế kinh tế thị trường thích ứng nhu cầu thời đại thông tin và thời đại kinh tế tri thức. Những thay đổi ấy thể hiện cả trên thể chế kinh tế vĩ mô và thể chế kinh tế vi mô. Mức độ ảo hóa kinh tế tăng lên tất sẽ đặt ra yêu cầu đổi mới đối với quản lý kinh tế và tất sẽ dẫn tới những đổi mới về thể chế.

2.2. Xu thế thể chế kinh tế thị trường mở - xu thế nổi bật, có tính toàn cầu

Thể chế kinh tế thị trường mở đang và sẽ là xu hướng nổi bật, có tính toàn cầu và có tác động to lớn tới sự phát triển kinh tế của các quốc gia trên thế giới. Theo PGS, TSKH Võ Đại Lực đánh giá trong cuốn sách *Những xu hướng phát triển của thế giới và sự lựa chọn mô hình công nghiệp hóa của nước ta*, những tác động đó bao gồm:

Thứ nhất là thị trường thế giới được mở rộng. Các thị trường quốc gia sẽ ngày càng được mở rộng, khai thông, hội nhập khu vực và toàn cầu, do vậy thị trường khu vực và thế giới sẽ được mở rộng trên mọi lĩnh vực.

Thứ hai là tạo ra một động lực to lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, bởi điều kiện tiên quyết cho tăng trưởng cao chính là cơ chế thị trường mở cửa. Chính sách công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu của NIEs và ASEAN chính là động lực cho tăng trưởng cao. Cải cách và mở cửa của Trung Quốc cũng có vai

trò như vậy. Thực chất của các chính sách này là khai thông cho cơ chế thị trường mở, phát huy tác dụng động lực thúc đẩy tăng trưởng.

Thứ ba là cơ chế thị trường của mỗi quốc gia chịu sự tác động mạnh của cơ chế thị trường của các quốc gia hùng mạnh, của khu vực và trên thế giới. Quốc gia nào mở cửa và hội nhập quốc tế càng sâu rộng, thì tác động của cơ chế thị trường của các cường quốc, của khu vực và thế giới tới cơ chế thị trường của quốc gia đó cũng càng mạnh và làm cho sức mạnh của cơ chế thị trường quốc gia cũng tăng lên. Do vậy, một chính sách ngăn chặn thị trường trong nước quan hệ với thị trường quốc tế đã trở thành chính sách làm suy giảm sức mạnh của cơ chế thị trường trong nước.

Thứ tư là khi thị trường thế giới được mở rộng, xu hướng tự do hóa thương mại đầu tư phát triển, cạnh tranh trong khu vực và trên thế giới cũng sẽ phát triển mạnh mẽ.

Những tác động trên đây cho thấy trong tương lai, một nền kinh tế thị trường sẽ hình thành và phát triển. Nền kinh tế thị trường này sẽ dựa trên một nền công nghệ toàn cầu với các xa lộ thông tin, liên lạc vận tải toàn cầu, các thể chế kinh tế toàn cầu. Nó sẽ bao gồm các trung tâm kinh tế khu vực mở với các nền kinh tế thị trường quốc gia mở và hàng trăm ngàn công ty xuyên quốc gia hoạt động ở khắp mọi nơi.

2.2.1. Xu thế quốc tế hóa thể chế kinh tế thị trường giữa các nước

Nội dung chủ yếu là tất cả các nước đều chuyển sang thể chế kinh tế thị trường mở. Nhờ đó, các quốc gia sẽ gắn bó chặt chẽ với nhau, tùy thuộc vào nhau trong nền kinh tế thị trường thế giới thống nhất, tạo điều kiện đi đến xây dựng thể chế thị trường tương đồng có thể hòa nhập thuận lợi với nhau.

Với sự điều tiết từ thể chế đồng nhất, sự giao lưu kinh tế đối ngoại giữa các nước ngày càng tăng đã gây ra những cọ xát va chạm về thể chế kinh tế sẽ buộc các nước phải chiếu theo thông lệ của thể chế thị trường thế giới để điều chỉnh thể chế kinh tế quốc gia phù hợp với khuôn khổ chuẩn mực hóa của nó.

Như vậy, quốc tế hóa thể chế kinh tế của các nước sẽ được sự trợ giúp và thúc đẩy của thị trường hóa, đồng thời cũng chịu sự chế ước ràng buộc bởi mức độ thị trường hóa.

Do mức độ thị trường hóa tương đối cao, các nước phát triển đã cơ bản xây dựng được thể chế kinh tế quốc tế hóa. Phương hướng chủ yếu của quốc tế hóa kinh tế thị trường là sự mở cửa với bên ngoài của các thể chế tài chính tiền tệ, hủy bỏ các chương ngại về buôn bán và đầu tư quốc tế.

Tiến trình quốc tế hóa thể chế kinh tế thị trường của các nước đang phát triển sẽ vận động theo hướng nói lỏng quản lý luồng đầu tư trực tiếp nước ngoài, tự do hóa buôn bán, nói lỏng sự quản lý tài chính tiền tệ, tạo lập môi trường đầu tư và kinh doanh thống nhất bằng cách thiết lập các thể chế và thiết chế quản lý đồng nhất giữa đầu tư và kinh doanh trong và ngoài nước để tạo ra thời cơ và thách thức như nhau cho mọi chủ thể hành vi kinh tế, xóa bỏ các phân biệt đối xử.

Trong thế kỷ 20, sự mở cửa của thể chế ngoại thương của các nước đang phát triển sẽ hoàn thiện một cách phổ biến. Đến năm 2020, có thể sẽ xây dựng được thể chế tự do buôn bán và thực hiện quốc tế hóa tài chính tiền tệ ở trình độ tương đối cao. Điều này không chỉ tạo ra những lợi ích to lớn, mà còn đẩy nền kinh tế quốc gia phơi mình trước rủi ro lớn của sự hỗn loạn và sụp đổ của hệ thống tài chính tiền tệ quốc tế gây nên. Chính vì tự do hóa phải đi liền với xác lập các cơ chế phòng ngừa và dự báo hiện đại với một hệ thống các công cụ phục hồi có hiệu quả, nhanh chóng trong thể chế kinh tế.

2.2.2. Xu thế liên kết, nhất thể hóa thể chế kinh tế thị trường trong khu vực và liên khu vực

Vào những năm 20 của thế kỷ 21, Cộng đồng kinh tế châu Âu, Khu vực tự do buôn bán Bắc Mỹ, Liên kết kinh tế Đông Á sẽ trở thành hạt nhân của việc mở rộng nhất thể hóa kinh tế khu vực và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường khu vực. Vào thời điểm này, các nước trong cộng đồng kinh tế châu Âu đã

hoàn thiện liên minh kinh tế tiền tệ, chuyển trọng tâm phát triển sang thu hút những thành viên mới, bằng cách mở rộng tiếp sang Đông Âu và châu Phi.

Trước sức ép của xu thế khu vực hóa của Châu Âu, khu vực tự do buôn bán Bắc Mỹ mở rộng xuống Nam Mỹ và đang hình thành khu vực tự do buôn bán châu Mỹ, song liên kết theo hướng liên minh toàn diện sẽ phát triển rất chậm, vì trình độ phát triển của các nền kinh tế còn cách nhau khá xa.

Các nước thành viên phát triển của tổ chức hợp tác kinh tế châu Á-Thái Bình Dương đã thực hiện tự do hóa buôn bán và đầu tư vào năm 2010, còn các nước thành viên đang phát triển sẽ thực hiện tự do hóa buôn bán và đầu tư vào năm 2020.

Tuy vậy thực tế cho thấy, lộ trình này của APEC đã tỏ ra không đáp ứng nổi nhu cầu liên kết kinh tế khu vực Đông Á. Bắt đầu từ năm 2001, các nền kinh tế Đông Á, đã tiến rất nhanh trong quá trình liên kết kinh tế, mở đầu là hiệp định xây dựng khu vực kinh tế thương mại tự do Asean + Trung Quốc, Asean + Hàn Quốc, kế hoạch liên kết kinh tế Đông Bắc Á gồm Nhật Bản-Hàn Quốc-Trung Quốc cũng đang được xúc tiến; thể chế Asean +3 (3 nước Đông Bắc Á) đang có tác dụng thúc đẩy việc hình thành tổ chức kinh tế Đông Á.

Sự ra đời một thực thể kinh tế Đông Á sánh cùng EU và NAFTA, trở thành ba trung tâm kinh tế lớn của nền kinh tế thế giới là điều có thể thấy trong hai mươi năm đầu của thế kỉ 21.

Với tầm nhìn xa hơn nữa, chúng ta sẽ thấy một cục diện quan hệ kinh tế quốc tế mới đang hình thành bởi xu thế liên kết kinh tế xuyên đại dương, liên châu lục. Với xu thế khu vực hóa nhanh chóng hiện nay có thể vào trước sau năm 2030, nền kinh tế thế giới sẽ hình thành các tổ chức liên kết kinh tế Á-Âu gồm châu Âu và châu Á; tổ chức liên kết Âu-Phi gồm châu Âu và Châu Phi; tổ chức kinh tế xuyên đại tây dương gồm châu Âu và châu Mỹ mà nòng cốt là Tây Âu và Bắc Mỹ cùng với nó là sự ra đời của các loại hình thể chế kinh tế thị trường liên châu lục với những cơ chế và các qui tắc điều tiết có tính pháp qui chặt chẽ và hiệu quả hơn kiểu APEC hiện tại.

2.2.3. Xu thế hình thành thể chế kinh tế thị trường nhất thể hóa kinh tế thế giới

Xu thế này chủ yếu chịu sự thúc đẩy của WTO bao gồm Hiệp định chung về Buôn bán và Dịch vụ (GATS) và quỹ tiền tệ thế giới IMF.

Trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa tự do kinh tế mới, các tổ chức này không ngừng áp dụng các biện pháp để dỡ bỏ những chướng ngại trong thể chế kinh tế buôn bán quốc tế, thúc đẩy sự lưu động tự do của hàng hóa, dịch vụ, tiền vốn, nhân viên giữa các nước với nhau. Ngoài GATS (WTO) đã thu được những thành quả mà mọi người đều đã biết, những hoạt động của IMF cũng đã có những tiên tri rất lớn. Nó đang tạo ra động lực thúc đẩy sự lưu động tự do của tư bản quốc tế, nhưng tự do hóa sự lưu động của tư bản là việc cần đến những điều kiện nhất định đó là:

- *Thứ nhất*, cần có một hệ thống tài chính tiền tệ hoàn chỉnh và một cơ chế giám sát có hiệu quả của kế toán, pháp luật và thực thi nguyên tắc thị trường.
- *Thứ hai* đó là một kinh tế vĩ mô có tính ổn định nhất định.

Trước mắt nhiều nước đang phát triển và các nước đang trong thời kỳ chuyển đổi thể chế kinh tế còn chưa có đủ các điều kiện này. Hiện nay, đã có hơn 60 nước gồm rất nhiều nước đang phát triển phải hủy bỏ sự hạn chế ngoại hối, tạo điều kiện lưu thông của tư bản quốc tế. Hơn nữa đã có 100 nước cam kết sẽ thực hiện chuyển đổi của đồng tiền nước mình trong tài khoản thu chi thường xuyên theo hiến chương IMF, đồng thời sẽ không chế sự hạn chế về trao đổi tư bản ở mức độ có thể tiếp nhận được. Trên cơ sở này, mức độ tự do hóa của tiền vốn sẽ dần dần nâng cao.

Hai tổ chức WTO và IMF hiện đang có xu thế tăng cường hợp tác hơn nữa để có thể hòa vào nhau, để thúc đẩy mạnh hơn tiến trình nhất thể hóa kinh tế thế giới và nhất thể hóa kinh tế khu vực. Đồng thời, sự hình thành tổ chức kinh tế lớn như trên đã trình bày và sự nâng cao mức độ nhất thể hóa bên trong các tổ chức kinh tế khu vực cũng sẽ tạo điều kiện tốt đẹp cho nhất thể hóa kinh

tế thế giới; cuối cùng là các xu thế nhất thể hóa kinh tế thế giới và nhất thể hóa kinh tế khu vực sẽ có thể hòa vào nhau. Dự báo vào khoảng giữa thế kỷ 21, thể chế tự do trao đổi trong phạm vi thế giới sẽ được thực hiện.

Với xu thế phát triển hiện nay, cũng có thể sẽ hình thành các tổ chức kinh tế khu vực lớn xuyên Đại dương, xuyên châu lục, Mỹ và châu Âu sẽ đạt được hiệp định về nhất thể hóa kinh tế và hình thành nên sự hợp tác xuyên Đại Tây Dương, tạo nên hạt nhân để thúc đẩy nhanh chóng hơn nữa sự nhất thể hóa kinh tế toàn cầu.

Diễn biến của thể chế kinh tế thế giới như trên sẽ nảy sinh các ảnh hưởng to lớn và quan trọng như sau đối với sự phát triển của tổng thể nền kinh tế thế giới:

Một là, thúc đẩy sự phân công quốc tế: ảnh hưởng này xảy ra nhờ sự lưu động tự do của các yếu tố sản xuất. Điều này dẫn đến kết cấu sản xuất trên thế giới sẽ theo đó mà thay đổi.

Hai là, nâng cao hiệu suất của toàn bộ nền kinh tế thế giới. Trước hết điều này xuất phát từ thị trường hóa thể chế kinh tế quốc tế của các nước, đồng thời nhất thể hóa kinh tế sẽ thúc đẩy cạnh tranh quốc tế và phân công quốc tế, làm cho các nguồn lực của thế giới được sắp xếp tối ưu hơn.

Ba là, tăng nhanh sự tăng trưởng của kinh tế thế giới.

Bốn là, tạo ra sự phát triển không cân bằng của kinh tế thế giới.

Về tổng thể mà nói, tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước đang phát triển tương đối nhanh, còn của các nước phát triển thì tương đối chậm. Đó là vì thị trường hóa, quốc tế hóa và nhất thể hóa kinh tế có tác dụng thúc đẩy to lớn đối với sự phát triển kinh tế sẽ chủ yếu là do những tiến triển ở các nước đang phát triển có lợi thế của nước đi sau.

Một hiện tượng khác đi kèm với điều này là địa vị kinh tế của các nước đang phát triển sẽ lên cao và kinh tế thế giới sẽ phát triển theo hướng đa trung tâm, đa cực và có thể giảm bớt sự xáo động của kinh tế thế giới. Do sự xáo động có tính chu kỳ của kinh tế, các nước trong môi trường kinh tế mở cửa, có

thể bị những nền kinh tế ở bên ngoài trung hòa nên sự xáo động của kinh tế các nước có tác dụng cân bằng lẫn nhau và sẽ giảm bớt khả năng nền kinh tế thế giới xuất hiện những xáo động lớn.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Chương 3

MÔ HÌNH KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

3.1. Khái niệm

Đại hội IX của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý, và phân phối. Nói cách khác, *kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.*

3.2. Sự cần thiết khách quan phải phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Về phương diện kinh tế, có thể khái quát rằng, lịch sử phát triển của sản xuất và đời sống xã hội của nhân loại đã đang trải qua hai kiểu tổ chức kinh tế thích ứng với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và phân công lao động xã hội, hai thời đại kinh tế khác hẳn nhau về chất. Đó là: thời đại kinh tế tự nhiên, tự cung - tự cấp; và thời đại kinh tế hàng hóa, mà giai đoạn cao của nó là kinh tế thị trường.

Kinh tế tự nhiên là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội đầu tiên của nhân loại. Đó là phương thức sinh hoạt kinh tế ở trình độ thấp ban đầu là sử dụng những tặng vật của tự nhiên và sau đó được thực hiện thông qua những tác động trực tiếp vào tự nhiên để tạo ra những giá trị sử dụng trong việc duy trì sự sinh tồn của con người. Nó được bó hẹp trong mối quan hệ tuần hoàn khép kín giữa con người và tự nhiên, mà tiêu biểu là giữa lao động và đất đai làm nền tảng. Nó đã

tồn tại và thống trị trong các xã hội cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến và tuy không còn giữ vị trí thống trị nhưng vẫn còn tồn tại trong xã hội tư bản cho đến ngày nay. Kinh tế tự nhiên, hiện vật, sinh tồn, tự cung, tự cấp gắn liền với kém phát triển và lạc hậu.

Kinh tế hàng hóa, bắt đầu bằng kinh tế hàng hóa đơn giản, ra đời từ khi chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, dựa trên hai tiền đề cơ bản là có sự phân công lao động xã hội và có sự tách biệt về kinh tế do chế độ sở hữu khác nhau về tư liệu sản xuất. Chuyển từ kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa là đánh dấu bước chuyển sang thời đại kinh tế của sự phát triển, thời đại văn minh của nhân loại. Trong sự phát triển của mình, vị thế của kinh tế hàng hóa cũng dần được đổi thay: từ chỗ như là kiểu tổ chức kinh tế - xã hội không phổ biến, không hợp thời trong xã hội chiếm hữu nô lệ của những người thợ thủ công và nông dân tự do, đến chỗ được thừa nhận trong xã hội phong kiến, và đến chủ nghĩa tư bản thì kinh tế hàng hóa giản đơn không những được thừa nhận mà còn phát triển lên giai đoạn cao hơn, đó là kinh tế thị trường.

Kinh tế thị trường là giai đoạn phát triển cao của kinh tế hàng hóa, cũng đã trải qua ba giai đoạn phát triển.

- Giai đoạn thứ nhất, là giai đoạn chuyển từ kinh tế hàng hóa giản đơn sang kinh tế thị trường (còn gọi là kinh tế thị trường sơ khai hay dã man).
- Giai đoạn thứ 2, là giai đoạn phát triển kinh tế thị trường tự do. Đặc trưng quan trọng của giai đoạn này là sự phát triển kinh tế diễn ra theo tinh thần tự do, Nhà nước không can thiệp vào hoạt động kinh tế.
- Giai đoạn thứ 3, là giai đoạn kinh tế thị trường hiện đại. Đặc trưng của giai đoạn này là Nhà nước can thiệp vào kinh tế thị trường và mở rộng giao lưu kinh tế với nước ngoài. Sự can thiệp của Nhà nước vào nền kinh tế thị trường thông qua việc xây dựng các hình thức sở hữu nhà nước, các chương trình khuyến khích đầu tư và tiêu dùng, cùng với việc sử dụng các công cụ kinh tế như tài chính, tín dụng, tiền tệ... để điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô.

Sự phối hợp giữa chính phủ và thị trường trong một nền kinh tế hỗn hợp nhằm bảo đảm sự phát triển có hiệu quả của những nước có mức tăng trưởng kinh tế nhanh.

Thực chất, kinh tế thị trường không phải là một chế độ kinh tế - xã hội. Kinh tế thị trường là hình thức và phương thức vận hành kinh tế. Các qui luật của thị trường chi phối việc phân bổ các tài nguyên, qui định sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào (bao nhiêu) và sản xuất cho ai. Đây là một kiểu tổ chức kinh tế hình thành và phát triển do những đòi hỏi khách quan của sự phát triển sản xuất. Nó là phương thức sinh hoạt kinh tế của sự phát triển. Sự cạnh tranh trong cơ chế thị trường theo qui luật giá trị đòi hỏi các chủ thể sản xuất - kinh doanh không ngừng đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, mở rộng qui mô sản xuất - kinh doanh. Quá trình hình thành và phát triển kinh tế thị trường là quá trình mở rộng phân công lao động xã hội, phát triển khoa học - công nghệ mới và ứng dụng chúng vào thực tiễn sản xuất - kinh doanh. Sự phát triển của kinh tế thị trường gắn liền với sự phát triển của văn minh nhân loại, của khoa học - kỹ thuật, của lực lượng sản xuất. Nhiều học giả đã khái quát rằng: giai đoạn kinh tế hàng hóa giản đơn gắn liền với nền văn minh nông nghiệp và kỹ thuật thủ công; giai đoạn kinh tế thị trường tự do gắn liền với nền văn minh công nghệ và kỹ thuật cơ khí; giai đoạn kinh tế thị trường hiện đại gắn liền với nền văn minh trí tuệ và kỹ thuật vi điện tử - tin học...

Cho đến cuối những năm 80 của thế kỷ 20, về cơ bản trong nền kinh tế nước ta, sản xuất nhỏ vẫn còn là phổ biến, trạng thái kinh tế tự nhiên, hiện vật, tự cung, tự cấp còn chiếm ưu thế. Xã hội Việt Nam, về cơ bản vẫn dựa vào văn minh nông nghiệp lúa nước, nông dân chiếm đại đa số. Việt Nam vẫn là một nước nghèo nàn, lạc hậu và kém phát triển. Phát triển trở thành nhiệm vụ mục tiêu số một đối với toàn Đảng, toàn dân ta trong bước đường đi tới. Muốn vậy, phải chuyển toàn bộ nền kinh tế quốc dân sang trạng thái của sự phát triển, là

phát triển nền kinh tế thị trường, cùng với nó là thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa

3.3. Để có một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Làm thế nào để phát triển được kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam? Đây là một câu hỏi lớn mà muốn trả lời được đầy đủ và chính xác phải qua từng bước thử nghiệm, tổ chức thực hiện trong thực tế rồi đúc rút, bổ sung, hoàn chỉnh dần.

Kể từ khi Việt Nam bước vào thực hiện mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả và thành tựu đáng mừng, làm thay đổi khá rõ tình hình đất nước. Kinh tế ra khỏi tình trạng khủng hoảng, hoạt động ngày càng năng động và có hiệu quả. Của cải xã hội ngày càng nhiều, hàng hóa ngày càng phong phú. Đời sống nhân dân từng bước được cải thiện. Đất nước chẳng những giữ vững được ổn định chính trị trước những chấn động lớn trên thế giới mà còn có bước phát triển đi lên. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tăng cường. Các ngành dịch vụ, xuất khẩu và nhập khẩu phát triển. Quan hệ đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế không ngừng được mở rộng... Tuy nhiên, cũng có nhiều vấn đề mới đặt ra cần được tiếp tục nghiên cứu và giải quyết.

Từ thực tiễn phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời gian qua và căn cứ vào yêu cầu phát triển trong thời gian tới, có thể xác định những phương hướng, nhiệm vụ cơ bản phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam như sau:

1 – Phải tiếp tục thực hiện một cách nhất quán chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần, coi các thành phần kinh tế kinh doanh theo pháp luật đều là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội

chủ nghĩa, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Không nên có thái độ định kiến và kỳ thị đối với bất cứ thành phần kinh tế nào.

Kinh tế nhà nước phải phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân, là nhân tố mở đường cho sự phát triển kinh tế, là lực lượng vật chất quan trọng và là công cụ để Nhà nước định hướng và điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Doanh nghiệp nhà nước giữ những vị trí then chốt; đi đầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ; nêu gương về năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế – xã hội và chấp hành pháp luật.

Đẩy mạnh việc củng cố, sắp xếp, điều chỉnh cơ cấu của các doanh nghiệp nhà nước; đồng thời tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách để tạo động lực phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước theo hướng xóa bao cấp; doanh nghiệp thực sự cạnh tranh bình đẳng trên thị trường, tự chịu trách nhiệm về sản xuất, kinh doanh; nộp đủ thuế và có lãi; thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp.

Kinh tế tập thể gồm các hình thức hợp tác đa dạng, trong đó hợp tác xã là nòng cốt. Các hợp tác xã dựa trên sở hữu của các thành viên và sở hữu tập thể, liên kết rộng rãi những người lao động, các hộ sản xuất, kinh doanh, các doanh nghiệp nhỏ và vừa, không giới hạn quy mô, lĩnh vực và địa bàn; liên kết công nghiệp và nông nghiệp, doanh nghiệp nhà nước và kinh tế hộ nông thôn. Nhà nước giúp hợp tác xã đào tạo cán bộ, ứng dụng khoa học và công nghệ, thông tin, mở rộng thị trường, xây dựng các quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

Kinh tế cá thể, tiểu chủ cả ở nông thôn và thành thị có vị trí quan trọng lâu dài. Nhà nước tạo điều kiện và giúp đỡ phát triển, bao gồm cả các hình thức tổ chức hợp tác tự nguyện, làm vệ tinh cho các doanh nghiệp hoặc phát triển lớn hơn.

Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân

phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài; chuyển thành doanh nghiệp cổ phần, bán cổ phần cho người lao động; liên doanh, liên kết với nhau, với kinh tế tập thể và kinh tế nhà nước. Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động.

Tạo điều kiện để *kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài* phát triển thuận lợi, hướng vào các sản phẩm xuất khẩu, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội gắn với thu hút công nghệ hiện đại, tạo thêm nhiều việc làm. Cải thiện môi trường kinh tế và pháp lý để thu hút mạnh vốn đầu tư nước ngoài.

Phát triển đa dạng *kinh tế tư bản nhà nước* dưới dạng các hình thức liên doanh, liên kết giữa kinh tế nhà nước với kinh tế tư bản tư nhân trong nước và ngoài nước, mang lại lợi ích thiết thực cho các bên đầu tư kinh tế. Chú trọng các hình thức tổ chức kinh doanh đan xen, hỗn hợp nhiều hình thức sở hữu, giữa các thành phần kinh tế với nhau, giữa trong nước và ngoài nước. Phát triển mạnh hình thức tổ chức kinh tế cổ phần nhằm huy động và sử dụng rộng rãi vốn đầu tư xã hội.

2 – *Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường; đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.* Nhìn chung, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam mới được bắt đầu, trình độ còn thấp, chất lượng, hiệu quả, khả năng cạnh tranh chưa cao. Nhiều thị trường còn sơ khai, chưa đồng bộ. Vì vậy, phải đổi mới mạnh mẽ tư duy hơn nữa, đẩy mạnh việc hình thành các loại thị trường. Đặc biệt quan tâm các thị trường quan trọng nhưng hiện chưa có hoặc còn sơ khai như: thị trường lao động, thị trường chứng khoán, thị trường bất động sản, thị trường khoa học và công nghệ, đáp ứng nhu cầu đa dạng và nâng cao sức mua của thị trường trong nước, cả ở thành thị và nông thôn, chú ý thị trường các vùng có nhiều khó khăn. Chủ động hội nhập thị trường quốc tế. Hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh.

Mặt khác, phải đổi mới sâu rộng cơ chế quản lý kinh tế, phát huy những yếu tố tích cực của cơ chế thị trường, triệt để xóa bỏ bao cấp trong kinh doanh,

tăng cường vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước, đấu tranh có hiệu quả chống các hành vi tham nhũng, lãng phí, gây phiền hà. Nhà nước tạo môi trường pháp lý thuận lợi, bình đẳng cho các doanh nghiệp cạnh tranh và hợp tác để phát triển; bằng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chính sách, kết hợp với sử dụng lực lượng vật chất của Nhà nước để định hướng phát triển kinh tế – xã hội, khai thác hợp lý các nguồn lực của đất nước, bảo đảm cân đối vĩ mô nền kinh tế, điều tiết thu nhập; kiểm tra, thanh tra mọi hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, chống buôn lậu, làm hàng giả, gian lận thương mại.

Tiếp tục đổi mới các công cụ quản lý vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế, trong đó đặc biệt coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống các cơ chế chính sách, luật pháp, đổi mới công tác kế hoạch hóa, nâng cao chất lượng công tác xây dựng các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội; tăng cường công tác thông tin kinh tế – xã hội trong nước và quốc tế, công tác kế toán, thống kê; ứng dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và công nghệ trong công tác dự báo, kiểm tra tình hình thực hiện ở cả cấp vĩ mô và doanh nghiệp.

3 – Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, hướng vào phát triển và lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng xã hội, coi đây là một nội dung rất quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm tính ưu việt của chế độ xã hội mới. Điều đó chẳng những tạo động lực mạnh mẽ nhằm phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động mà còn thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng và hợp pháp, điều tiết các quan hệ xã hội.

Trong tình hình cụ thể hiện nay ở Việt Nam, phải bằng nhiều giải pháp tạo ra nhiều việc làm mới. Chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động, phòng chống tai nạn và bệnh nghề nghiệp cho người lao động. Từng bước mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội và an sinh xã hội. Sớm xây dựng và thực hiện chính sách bảo hiểm cho người lao động thất nghiệp.

Cải cách cơ bản chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, khuyến khích người có tài, người làm việc giỏi, khắc phục tình trạng lương và trợ cấp bất hợp lý; tôn trọng thu nhập hợp pháp của người kinh doanh.

Tiếp tục thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo, chăm sóc những người có công với nước, thương binh, bệnh binh, cha mẹ, vợ con liệt sĩ, gia đình chính sách – một yêu cầu rất lớn đối với một đất nước phải chịu nhiều hậu quả sau 30 năm chiến tranh. Đồng thời đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn trật tự và kỷ cương xã hội, ngăn chặn và bài trừ các tệ nạn xã hội, nhất là tệ nạn ma túy, mại dâm, lối sống không lành mạnh, những hành vi trái pháp luật và đạo lý. Kiên quyết đấu tranh với tệ tham nhũng, hối lộ, làm giàu bất chính, kinh doanh không hợp pháp, gian lận thương mại... cùng với những tiêu cực khác do mặt trái của cơ chế thị trường gây ra. Kết quả cụ thể của cuộc đấu tranh này là thước đo bản lĩnh, trình độ và năng lực quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân.

4 – Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc và là nhân tố quyết định nhất bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của kinh tế thị trường, cũng như toàn bộ sự nghiệp phát triển của đất nước. Đây cũng là một trong những bài học lớn nhất được rút ra trong những năm đổi mới.

Càng đi vào kinh tế thị trường, thực hiện dân chủ hóa xã hội, mở rộng hợp tác quốc tế càng phải tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Thực tế ở một số nước cho thấy, chỉ cần một chút mơ hồ, buông lỏng sự lãnh đạo của Đảng là lập tức tạo điều kiện cho các thế lực thù địch dần tới phá vỡ sự lãnh đạo của Đảng, cướp chính quyền, đưa đất nước đi con đường khác.

Hiện nay, có ý kiến cho rằng, đã chuyển sang kinh tế thị trường – tức là nền kinh tế vận động theo quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh... thì không cần phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng nhiều khi cản trở, làm “vướng chân” sự vận hành của kinh tế. Ý kiến này

không đúng và thậm chí rất sai lầm. Bởi vì như trên đã nói, Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế thị trường nhưng không phải để cho nó vận động một cách tự phát, mù quáng mà phải có lãnh đạo, hướng dẫn, điều tiết, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, vì lợi ích của đại đa số nhân dân, vì một xã hội công bằng và văn minh. Người có khả năng và điều kiện làm được việc đó không thể ai khác ngoài Đảng Cộng sản – là đảng phấn đấu cho mục tiêu lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, thật sự đại diện và bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Đảng lãnh đạo có nghĩa là Đảng đề ra đường lối, chiến lược phát triển của đất nước nói chung, của lĩnh vực kinh tế nói riêng, bảo đảm tính chính trị, tính định hướng đúng đắn trong sự phát triển kinh tế, làm cho kinh tế chẳng những có tốc độ tăng trưởng và năng suất lao động cao, có lực lượng sản xuất không ngừng lớn mạnh mà còn đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, tức là hạn chế được bất công, bóc lột, chăm lo và bảo vệ lợi ích của đại đa số nhân dân lao động. Trên cơ sở đường lối, chiến lược đó, Đảng lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và guồng máy xã hội, trước hết là Nhà nước, tổ chức thực hiện bằng được phương hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

Đương nhiên, để có đủ trình độ, năng lực lãnh đạo, Đảng phải thực sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, gắn bó chặt chẽ với nhân dân, được nhân dân tin cậy và ủng hộ. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng, có trí tuệ, có kiến thức, giữ gìn đạo đức cách mạng và lối sống lành mạnh, đấu tranh khắc phục có hiệu quả tệ tham nhũng và các hiện tượng thoái hóa, hư hỏng trong Đảng và trong bộ máy của Nhà nước.

Tóm lại, sự hình thành tư duy kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ đơn thuần là sự tìm tòi và phát kiến về mặt lý luận của chủ nghĩa xã hội, mà còn là sự lựa chọn và khẳng định con đường và mô hình phát triển trong thực tiễn mang tính cách mạng và sáng tạo của Việt Nam. Phát triển

kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là một quá trình tất yếu phù hợp với quy luật phát triển của thời đại và đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

Tuy nhiên, đây là sự nghiệp vô cùng khó khăn, phức tạp, lâu dài, bởi lẽ nó rất mới mẻ, chưa có tiền lệ, phải vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Riêng về mặt lý luận cũng còn không ít vấn đề phải tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ. Chẳng hạn như: các vấn đề về chế độ sở hữu và các thành phần kinh tế; về lao động và bóc lột; về quản lý doanh nghiệp nhà nước ra sao để nó đóng được vai trò chủ đạo; làm thế nào để thực hiện được công bằng xã hội trong điều kiện kinh tế còn thấp kém; vấn đề bản chất giai cấp công nhân của Đảng trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần; các giải pháp tăng cường sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chống quan liêu, tham nhũng, v.v.

Với phương châm *“Hãy bắt tay vào hành động, thực tiễn sẽ cho câu trả lời”*, hy vọng rằng từng bước, từng bước, thực tiễn sẽ làm sáng tỏ được các vấn đề nêu trên, góp phần làm phong phú thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện Việt Nam trong thời đại ngày nay.